

Số: 176/2026/QĐST – HNGĐ

V, ngày 05 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ án hôn nhân gia đình thụ lý số 119/2026/TLST - HNGĐ, ngày 16/3/2026, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung”. Giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hồng Q, sinh năm 1995. Địa chỉ cư trú: 555/35 ấp T, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Vũ H, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 và ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967. Cùng địa chỉ cư trú: 555/35 ấp T, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị Nguyễn Thị Hồng Q, sinh năm 1995. Địa chỉ cư trú: 555/35 ấp T, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

- Anh Nguyễn Vũ H, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: ấp G, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: 02 con chung là Nguyễn Khánh M, sinh ngày 09/6/2019 và Nguyễn Khánh N1, sinh ngày 07/7/2021. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Hồng Q được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Hồng Q không yêu cầu anh Nguyễn Vũ H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Hồng Q không yêu cầu, anh Nguyễn Vũ H rút yêu cầu không yêu cầu Toà án giải quyết, không giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng:

Chị Nguyễn Thị Hồng Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N tổng số tiền là 34.825.000 đồng (ba mươi bốn triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Vũ H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 63.925.000 đồng (sáu mươi ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bắt đầu trả khi quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của đương sự do Toà án ban hành có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị N không yêu cầu tính lãi đến thời điểm ghi nhận sự thoả thuận.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí thuận tình ly hôn: 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Hồng Q tự nguyện chịu.

- Về án phí dân sự có giá ngạch (đối với nghĩa vụ trả nợ): Chị Nguyễn Thị Hồng Q phải chịu 870.500 đồng (tám trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng).

Tổng cộng chị Nguyễn Thị Hồng Q phải nộp: 1.020.500 đồng (một triệu không trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004624, ngày 16/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị Nguyễn Thị Hồng Q phải nộp thêm 720.500 đồng (bảy trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng).

- Về án phí dân sự có giá ngạch (đối với nghĩa vụ trả nợ): Anh Nguyễn Vũ H phải chịu 1.598.000 đồng (một triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.125.000 đồng (ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006912, ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả cho anh Nguyễn Vũ H số tiền 1.527.000 đồng (một triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ1 số tiền tạm ứng án phí 3.142.000 đồng (ba triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006914, ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời gian thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

Thẩm phán

- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đỗ Thúy Hằng